

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2020
“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 161/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05/6/2020 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn G, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 20/5/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Cao Văn G kết hôn với nhau vào đầu năm 1976. Hôn nhân do mai mối, gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc có với nhau 04 mặt con thì ông G phạm tội và đi cải tạo 10 năm, bà ở nhà một mình nuôi con, sau khi ông G về, ông bà tiếp tục chung sống và có thêm 03 người con chung. Sau đó, ông G quan hệ với con gái ruột của ông bà nên bị kết án và đi cải tạo 14 năm. Trong thời gian ông G đi cải tạo, một mình bà phải làm mọi công việc để kiếm tiền nuôi 07 người con, bà nghĩ rằng ông G đã có những hành động sai trái như vậy nên bà không thể nào chung sống với ông G được nữa, bà và ông G đã ly thân từ đó thì xem như là đã ly hôn nên sau hơn một năm ông G đi cải tạo bà gá nghĩa vợ chồng với ông C ở ấp 10, xã V, huyện M, tỉnh

Hậu Giang để cùng nhau nuôi con nhưng do bà không am hiểu pháp luật nên bà không đi làm thủ tục ly hôn với ông G.

Ngày 30/4/2020, ông G được trả tự do về thì sự việc trở nên trầm trọng hơn vì ông G đòi giết bà và ông C. Bà xét thấy sự việc căng thẳng nên bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông G để giải quyết xong về mặt thủ tục.

Về con chung, quá trình chung sống bà và ông G có 07 con chung nhưng các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng.

Tài sản chung: Có 1.300m² đất thổ cư và 6.500m² đất ruộng nhưng ông bà sẽ tự thỏa thuận với nhau nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn G; Về con chung: tất cả 07 người con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: bà xác định ông bà đã tự thỏa thuận với nhau xong; nợ chung, không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2020 và tại phiên hòa giải ngày 24/7/2020: Bị đơn ông Cao Văn G thống nhất lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, ông G thừa nhận ông có hành vi sai trái, việc đó ông đã bị pháp luật xét xử và ông đã đi chấp hành án xong. Quá trình ông đi chấp hành án, tại sao bà T không đi làm thủ tục ly hôn với ông mà lại chung sống như vợ chồng với ông C, điều này ông không đồng ý.

Nguyên vọng: Ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu nhà ai nấy ở, không ai liên quan gì ai chứ ông không ly hôn vì cả hai già rồi; Về con chung: tất cả 07 người con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung; Về tài sản chung: ông xác định ông bà đã tự thỏa thuận với nhau xong, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung, ông xác định ông bà không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn G được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Ông Cao Văn G với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông G.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn G xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 1976, hôn nhân do mai mối, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có 07 con chung và tạo được một số tài sản chung nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 và khoản 1 Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế nên được pháp luật bảo vệ và được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ kiện ly hôn theo thủ tục chung.

Sau thời gian chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng chưa giải quyết được. Sau đó, ông G phạm tội và phải đi chấp hành án 14 năm. Lẽ ra, bà T phải làm xong thủ tục ly hôn với ông G thì mới tiếp tục chung sống, kết hôn với người khác nhưng do không am hiểu pháp luật nên đến nay bà vẫn chưa làm thủ tục ly hôn với ông G. Nay, ông G chấp hành án xong trở về thường xuyên chửi bới và hăm dọa sẽ giết chết bà nên bà kiên quyết xin ly hôn, ông G không đồng ý mà yêu cầu tiếp tục sống ly thân, nhà ai nấy ở. Xét thấy, mâu thuẫn của ông bà đã phát sinh kéo dài nhiều năm, ông bà cũng không chung sống với nhau 14 năm cho nên mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông G yêu cầu được tiếp tục sống ly thân là không có cơ sở. Nghĩ nên căn cứ vào Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Văn G.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn G xác định ông bà có tất cả 07 người con chung nhưng các con đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn G xác định ông bà đã tự thỏa thuận với nhau xong không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Văn G xác định ông bà không có nợ chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ bà T phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
Khoản 1 Điều 11, Điều 87, 89, 91 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;
Điểm a khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000;
Khoản 1 Thông tư Liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Văn G.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008937, ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/8/2020.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Kim Nhập